

Số: **3326**/SGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày **25** tháng **8** năm 2025

V/v hướng dẫn một số nội dung triển
khai thực hiện đặt hàng dịch vụ giáo dục
năm học 2025-2026

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3760/UBND-KGVX ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về việc đảm bảo công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã được triển khai liên tục từ ngày 01/7/2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM ĐẶT HÀNG

1. Phạm vi, đối tượng, thời gian áp dụng

1.1. Phạm vi:

Thực hiện thí điểm đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội năm học 2025-2026.

1.2. Đối tượng:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo (Cơ quan quản lý chuyên ngành được UBND Thành phố ủy quyền theo quy định tại Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND).

b) UBND các xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã);

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập sử dụng ngân sách nhà nước cấp Thành phố, cấp xã được lựa chọn thực hiện thí điểm đặt hàng; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

1.3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được tính từ ngày 01/9/2025 đến hết ngày 31/8/2026.

2. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng; trình tự đặt hàng:

2.1. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng:

- Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định phương thức đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

- UBND cấp xã quyết định phương thức đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND xã.

2.2. Trình tự đặt hàng:

a) Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Xây dựng phương án đặt hàng kèm Tờ trình phê duyệt phương án đặt hàng (theo Mẫu 01-HD) gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định (theo Mẫu 02-HD).

b) Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND cấp xã:

Xây dựng phương án đặt hàng kèm Tờ trình phê duyệt phương án đặt hàng (theo Mẫu 01-HD) gửi UBND cấp xã để xem xét, quyết định (theo Mẫu 02-HD).

3. Giá đặt hàng

Thực hiện theo giá dịch vụ, giá đặt hàng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố.

4. Khối lượng đặt hàng

Số học sinh (trẻ em) năm học 2025-2026 (sau đây gọi chung là học sinh) được tạm xác định trên cơ sở số học sinh năm học 2024-2025, các văn bản giao chỉ tiêu tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền (riêng đối với số học sinh tuyển mới theo thực tế tuyển sinh đầu năm học 2025-2026).

5. Dự toán kinh phí đặt hàng

5.1. Tổng dự toán kinh phí đặt hàng.

5.2. Dự toán kinh phí đặt hàng chi tiết theo các nguồn sau:

- a) Nguồn học phí năm học 2025-2026 (từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định).
- b) Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có).
- c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng.
- d) Việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí đặt hàng thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

6. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng

- a) Thành phố điều chỉnh giá, đơn giá dịch vụ giáo dục; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ giáo dục đặt hàng.
- b) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ giáo dục.

Việc thực hiện điều chỉnh kinh phí đặt hàng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND.

7. Nghiệm thu kinh phí đặt hàng, quyết toán đặt hàng

a) Tiêu chí nghiệm thu

Các cơ sở giáo dục được đặt hàng thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Cách thức nghiệm thu

- Năm 2025: Các cơ sở giáo dục được đặt hàng căn cứ số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành) và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu kinh phí đặt hàng toán đợt 1 (tính 04 tháng: từ 01/9/2025 đến 31/12/2025); gửi Sở Giáo dục

và Đào tạo (đối với các đơn vị trực thuộc Sở), UBND cấp xã (đối với các đơn vị trực thuộc UBND cấp xã) để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận.

- Năm 2025: Các cơ sở giáo dục được đặt hàng căn cứ số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2026 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành) và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu kinh phí đặt hàng đợt 2 (tính 8 tháng: từ 01/01/2026 đến 31/8/2026); đồng thời tổng hợp nghiệm thu đặt hàng của cả năm học 2025-2026 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị trực thuộc Sở), UBND cấp xã (đối với các đơn vị trực thuộc UBND cấp xã) để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận.

c) Hồ sơ nghiệm thu kinh phí đặt hàng và quyết toán đặt hàng:

- Quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền.
- Các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có).
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

d) Biên bản nghiệm thu kinh phí đặt hàng và quyết toán đặt hàng: *Chi tiết theo biểu đính kèm.*

8. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí

a) Các cơ sở giáo dục được đặt hàng thực hiện quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Các đơn vị khi lập báo cáo quyết toán năm, sẽ bao gồm nội dung quyết toán kinh phí đặt hàng (chi tiết theo từng nguồn kinh phí) trong báo cáo quyết toán của đơn vị gửi Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị trực thuộc Sở), UBND cấp xã (đối với các đơn vị trực thuộc UBND cấp xã) để xét duyệt quyết toán năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Về số liệu quyết toán:

- Đối với quyết toán ngân sách năm 2025: Các cơ sở giáo dục tổng hợp phần quyết toán kinh phí đặt hàng (4 tháng của năm 2025) trong báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025.

- Đối với quyết toán ngân sách năm 2026: Các cơ sở giáo dục tổng hợp số kinh phí đặt hàng (8 tháng của năm 2026) trong báo cáo quyết toán ngân sách năm 2026;

- Quyết toán kinh phí đặt hàng năm học 2025-2026: Sau khi kết thúc đặt hàng, các cơ sở giáo dục tổng hợp quyết toán kinh phí đặt hàng gồm số kinh phí đặt hàng 4 tháng của năm 2025 và 8 tháng của năm 2026.

c) Tổng hợp báo cáo quyết toán năm:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp Thành phố), tổng hợp, xét duyệt quyết toán năm của các cơ sở giáo dục trực thuộc (bao gồm quyết toán kinh phí đặt hàng của các cơ sở giáo dục trực thuộc) gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để thẩm định

quyết toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp xã tổng hợp quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ giáo dục trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị, gửi UBND cấp xã để xét duyệt quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc:

+ Rà soát các nguồn kinh phí năm 2025, gồm: Nguồn thu học phí, nguồn kinh phí NSNN đã được giao dự toán năm 2025, nguồn cải cách tiền lương còn dư tính đến hết ngày 31/8/2025 và nguồn cải cách tiền lương 4 tháng cuối năm (nếu có) tại đơn vị để cân đối, giao dự toán kinh phí đặt hàng năm học 2025-2026 (4 tháng cuối năm 2025). Trường hợp thiếu nguồn thì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố bổ sung theo quy định.

+ Xây dựng dự toán kinh phí đặt hàng năm 2026, gồm: Nguồn thu học phí, nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có), nguồn kinh phí NSNN đặt hàng của 8 tháng năm học 2025-2026 và dự kiến kinh phí đặt hàng của 4 tháng năm học 2026-2027.

- Thực hiện công tác thẩm định, phân bổ dự toán; nghiệm thu, xét duyệt quyết toán kinh phí đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND Thành phố xem xét, điều hòa, điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng thuộc ngân sách cấp Thành phố năm 2025 (nếu cần) để các đơn vị triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán ngân sách năm 2026 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn (Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị) theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2025-2026 theo hướng dẫn này và các quy định hiện hành.

- Thực hiện đặt hàng, nghiệm thu, quyết toán kinh phí đặt hàng đối với cơ sở giáo dục trực thuộc theo đúng quy định.

- Phân bổ, giao dự toán kinh phí đặt hàng cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước Khu vực I và các Phòng giao dịch

Thực hiện tạm ứng và kiểm soát chi, thanh toán kinh phí đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

5. Các cơ sở giáo dục công lập được đặt hàng

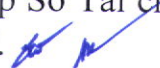
- Lập phương án đặt hàng theo mẫu, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp Thành phố); UBND xã, phường (đối với các đơn vị cấp xã) để xem xét, quyết định đặt hàng;

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền đảm bảo thời gian, chất lượng theo quy định;

- Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

Các nội dung khác không nêu tại Hướng dẫn này, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND và các quy định có liên quan của Trung ương, Thành phố;

Trường hợp, cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan đến các nội dung quy định, hướng dẫn về đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, các đơn vị thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của cấp có thẩm quyền.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội năm học 2025-2026. Đề nghị UBND các xã, phường; các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính nghiên cứu, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN khu vực I (để phối hợp);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT. 



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

Tên cơ quan quản lý cấp trên
TRƯỜNG.....

Số: .../TTTr...

Mẫu số 01-HD
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026

Kính gửi: ... (Sở Giáo dục và Đào tạo/UBND xã, Phường)

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3760/UBND-KGVX ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về việc đảm bảo công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã được triển khai liên tục từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của Trường

Trường xây dựng phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026 kính báo cáo, gồm các nội dung như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng:

- Số lớp: ...

- Số học sinh: ...

(Chi tiết theo biểu số 01-HD1 kèm theo)

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: Năm học 2025-2026 (Từ 01/9/2025 đến hết 31/8/2026).

4. Giá đặt hàng:

(Chi tiết theo biểu số 01-HD2 kèm theo)

5. Dự toán kinh phí đặt hàng chi tiết theo các nguồn sau:

Tổng dự toán kinh phí đặt hàng....Chi tiết theo các nguồn sau:

a) Nguồn học phí: ... (từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định)

b) Nguồn cải cách tiền lương (nếu có): ...

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: ...

(Chi tiết theo biểu số 01-HD2 kèm theo)

6. Phương thức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán:

6.1. Đợt 1:

Theo số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

6.2. Đợt 2:

Theo số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2026 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

7. Cam kết của đơn vị:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định đặt hàng của cấp có thẩm quyền đảm bảo thời gian, chất lượng theo quy định;

Trường kính báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo/UBND xã, phường ... xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

SỐ LỚP, HỌC SINH ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-..... ngày/...../2025 của Trường ...)

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp
	Cấp học ...			
1	Lớp ...			
2	Lớp ...			
3	Lớp ...			

Người lập

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng đơn vị

SỐ LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-..... ngày/2025 của Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đặt hàng (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)	Dự toán kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)				Dự toán kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)			
											Tổng số	Nguồn học phí năm 2025 (1)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước	Tổng số	Nguồn học phí năm 2026 (1)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8-5x6x7	9-3x8	10-9/12 tháng x 4 tháng	11= 1x3x4 tháng	12	13-10-11-12	14=9-10	15=1x3x5 tháng	16	17=14-15-16

Người lập

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.
(1) Từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định.

Đơn vị: ...

Biểu số 01-HD2

SỐ LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Tờ trình số/TTtr-..... ngày/...../2025 của Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Mức chi khác tối thiểu (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Quý tiền lương, tiền công (12 tháng từ tháng 9/2025 đến hết tháng 8/2026)	Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)	Dự toán kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)				Dự toán kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)			
									Tổng số	Nguồn học phí năm 2025 (1)	Chia ra		Tổng số	Nguồn học phí năm 2026 (1)	Chia ra	
											Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7= 6 + 3x5x90%	8= 7/12 tháng x 4 tháng	9 = 1x3x4 tháng	10	11=8-9-10	12=7-8	13=1x3x5 tháng	14	15=12-13-14

Người lập

Ngày ... tháng ... năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.
(1) Từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định.

Tên cơ quan
có thẩm quyền ban hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng
kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026**

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3760/UBND-KGVX ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về việc đảm bảo công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã được triển khai liên tục từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ;

Theo đề nghị của..... (phòng chuyên môn trực thuộc)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm học 2025-2026 với các nội dung chính như sau:

1. Tên dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: Dịch vụ giáo dục.... (mầm non, phổ thông)
2. Tên cơ sở giáo dục công lập được lựa chọn đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục....

(Có danh sách kèm theo)

3. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện:

- ... (Phòng chuyên môn trực thuộc)
- Các cơ sở giáo dục công lập được lựa chọn đặt hàng.

Điều 2. Trách nhiệm của các phòng, đơn vị liên quan

1/ Phòng.... có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn các cơ sở giáo dục được lựa chọn đặt hàng xây dựng phương án đặt hàng trình..... phê duyệt.

2/ Các cơ sở giáo dục được lựa chọn đặt hàng xây dựng phương án đặt hàng gửi Phòng.... để thẩm định, trình....phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan thuộc, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan
có thẩm quyền ban hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3760/UBND-KGVX ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về việc đảm bảo công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo

dục trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã được triển khai liên tục từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ;

Theo đề nghị của..... (phòng chuyên môn trực thuộc)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026 cho đơn vị ..., với các nội dung chính như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng:

- Số lớp: ...

- Số học sinh: ...

(Chi tiết theo biểu số 02-HD2.1 kèm theo)

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: Năm học 2025-2026 (Từ 01/9/2025 đến hết 31/8/2026).

4. Giá đặt hàng:

(Chi tiết theo biểu số 02-HD2.2 kèm theo)

5. Dự toán kinh phí đặt hàng chi tiết theo các nguồn sau:

Tổng dự toán kinh phí đặt hàng....Chi tiết theo các nguồn sau:

a) Nguồn học phí: ... (từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định)

b) Nguồn cải cách tiền lương (nếu có): ...

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: ...

(Chi tiết theo biểu số 02-HD2.2 kèm theo)

6. Phương thức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán:

6.1. Đợt 1:

Theo số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

6.2. Đợt 2:

Theo số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2026 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành).

7. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện; không được đặt hàng lại dịch vụ sự nghiệp công đã được cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cho đơn vị khác thực hiện;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công.

- Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

8. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan đặt hàng:

Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

Tổng hợp dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 2. Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị có tên tại Điều 1 thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của ..., Thủ trưởng đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ...;
- KBNN nơi giao dịch;
- ...;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

SỐ LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../2025 của đối với Trường ...)*

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp
	Cấp học ...	-	-	#DIV/0!
1	Lớp ...			
2	Lớp ...			
3	Lớp ...			

SỐ LIỆU ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ... ngày/2025 của ... đối với Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đặt hàng (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)	Dự toán kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)				Dự toán kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)			
											Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Nguồn ngân sách nhà nước	
												Nguồn học phí năm 2025 (1)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)		Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5x6x7	9=3x8	10=9/12 tháng x 4 tháng	11=1x3x4 tháng	12	13=10-11-12	14=9-10	15=1x3x5 tháng	16	17=14-15-16

Ghi chú: Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.
(1) Từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định.

SỐ LIỆU ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-... ngày/2025 của đối với Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Mức chi khác tối thiểu (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Quỹ tiền lương, tiền công (12 tháng từ tháng 9/2025 đến hết tháng 8/2026)	Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)	Dự toán kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)				Dự toán kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)			
									Tổng số	Nguồn học phí năm 2025 (1)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước	Tổng số	Nguồn học phí năm 2026 (1)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước
A	B	1	2	3	4	5	6	$7 = 6 + 3 \times 5 \times 90\%$	$8 = 7 / 12$ tháng x 4 tháng	$9 = 1 * 3 * 4$ tháng	10	11=8-9-10	12=7-8	$13 = 1 * 3 * 5$ tháng	14	15=12-13-14

Ghi chú: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.

(1) Từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KINH PHÍ ĐẶT HÀNG
Về việc cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách
nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026 (Đợt ...)

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3760/UBND-KGVX ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về việc đảm bảo công tác đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã được triển khai liên tục từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-...ngày .../.../202.. của ... về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2025-2026 cho đơn vị

Hôm nay, ngày ... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện đơn vị đặt hàng:

+ Ông/bà....., chức vụ

+ Ông/bà....., chức vụ

+ Ông/bà....., chức vụ

- Đại diện cơ sở giáo dục công lập trực thuộc nhận đặt hàng:

+ Ông/bà....., chức vụ

+ Ông/bà....., chức vụ

Hai bên thống nhất nghiệm thu kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công

a) Theo quyết định đặt hàng:

- Số lớp: ...

- Số học sinh: ...

b) Theo thực tế thực hiện:

- Số lớp: ...

- Số học sinh: ...

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: ...

(Nhận xét về việc thực hiện giảng dạy đúng, đủ chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Giá đặt hàng theo quyết định đặt hàng:

Bằng số: ... đồng (Bằng chữ: ... đồng)

4. Dự toán kinh phí đặt hàng theo Quyết định đặt hàng:

4.1. Tổng dự toán kinh phí:.....

4.2. Nguồn kinh phí

- Nguồn học phí: ... đồng (từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định).

- Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có).... đồng

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: ... đồng.

5. Nghiệm thu kinh phí đặt hàng (đợt ...):

5.1. Tổng kinh phí đặt hàng:.....

5.2. Nguồn kinh phí

- Từ nguồn học phí: ... đồng (từ nguồn NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định).

- Từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị:.... đồng

- Từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: ... đồng.

(Số liệu chi tiết theo các biểu số 03-HD kèm theo)

* Ý kiến của cơ quan, tổ chức đặt hàng:

- Đề nghị cơ sở giáo dục tổng hợp chung kinh phí đặt hàng trong quyết toán ngân sách năm.....

* Ý kiến của đơn vị sự nghiệp công lập nhận đặt hàng:

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**
(Chữ ký, dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN,
TỔ CHỨC ĐẶT HÀNG**
(Chữ ký, dấu)

Đơn vị: ...

Biểu số 03-HD1

SỐ LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt ... ngày .../.../... đối với Trường)

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp
	Cấp học ...			
1	Lớp ...			
2	Lớp ...			
3	Lớp ...			

Người lập

Ngày tháng năm 202...

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị: ...

Biểu số 03-HD2

SỐ LIỆU NGHIỆM THU KINH PHÍ ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 01 ngày .../.../... đối với Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2025	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Mức chi khác tối thiểu (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Quỹ tiền lương, tiền công (12 tháng từ tháng 9/2025 đến hết tháng 8/2026)	Giá đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)	Nghiệm thu kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2025 (nghìn đồng)					Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng đã cấp năm 2025 (nghìn đồng)	Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng giữa số nghiệm thu so với số đã cấp năm 2025 (thiếu +, thừa -) (nghìn đồng)
									Tổng số	Chia ra					
										Nguồn học phí năm 2025	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị	Nguồn ngân sách nhà nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	$7 = (6 + 3 \times 5 \times 90\%) / 12$ tháng x 4 tháng	8=7	9	10	11=8-9-10	12	13 = 11-12	

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Ngày ... tháng ... năm 202...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập

Ghi chú: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quỹ lương cao.

Đơn vị: ...

Biểu số 03-HD2

SỐ LIỆU NGHIỆM THU KINH PHÍ ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 02 ngày .../.../... đối với Trường)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2026	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đất hàng (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Giá đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)	Nghiem thu kinh phi dat hang 8 thang nam 2026 (nghin dong)				Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng đã cấp năm 2026 (nghìn đồng)	Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm 2025 (thiếu +, thừa -) (nghìn đồng)	Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm học 2025-2026 (thiếu + cấp bổ sung, thừa - nộp trả ngân sách) (nghìn đồng)	
										Tổng số	Chia ra						
											Nguồn học phí năm 2026	Nguồn cắt cách tiền lương của đơn vị	Nguồn ngân sách nhà nước				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5x6x7	9=3x8/12 tháng x 8 tháng	10=9	11	12	13=10-11-12	14	15	16 =13+15-14

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Người lập

Ngày ... tháng ... năm 202...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc có quy lương cao.

Đơn vị: ...

Biểu số 03-HD2

SỐ LIỆU NGHIỆM THU KINH PHÍ ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 02 ngày .../.../..., đối với Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành)	Số học sinh (trẻ em) (trẻ em) bình quân/lớp	Mức chi khác tối thiểu (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Quý tiền lương, tiền công (12 tháng từ tháng 9/2025 đến hết tháng 8/2026)	Giá đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)	Nghiệm thu kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2026 (nghìn đồng)				Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng đã cấp năm 2026 (nghìn đồng)	Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm 2025 (thiếu +, thừa -) (nghìn đồng)	Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm học 2025-2026 (thiếu + cấp bổ sung, thừa - nộp trả ngân sách) (nghìn đồng)
									Tổng số	Cụm ra					
										Nguồn học phí năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị	Nguồn ngân sách nhà nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	$7 = (6 + 3 \times 5 \times 90\%) / 12$ tháng x 8 tháng	8=7	9	10	11=8-9-10	12	13	$14 = 11 + 13 - 12$

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Ngày ... tháng ... năm 202..
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập

Ghi chú: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục đặc thù hoặc cơ quỹ lương cao.

Đơn vị: ...

Biểu số 03-HD3

TỔNG HỢP SỐ LIỆU NGHIỆM THU, QUYẾT TOÁN ĐẶT HÀNG CẢ NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 2 đối với Trường ...)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Đợt 1		Đợt 2		Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)			Quyết toán kinh phí đặt hàng (nghìn đồng/năm học)			
			Số lớp	Số học sinh (trẻ em) thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2025	Số lớp	Số học sinh (trẻ em) thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2026	Đợt 1 (4 tháng năm 2025)	Đợt 2 (8 tháng năm 2026)	Tổng số	Nguồn học phí	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị	Nguồn ngân sách nhà nước	Chưa ra
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	10	11	12=9.10.11	

Số học sinh (trẻ em) gọi chung là học sinh; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp.

Người lập

Ngày ... tháng ... năm 202...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)